

Số: 02 /KH-AMK

Buôn Hồ, ngày 12 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ khung chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư 32/2018 của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết cho các môn học;

Thực hiện thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (CTGDPT 2018);

Thực hiện Quyết định số 01002/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 466/UBND-VHXXH ngày 07/9/2025 của UBND phường Buôn Hồ về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026;

Căn cứ kế hoạch số 26/KH-AMK ngày 04 tháng 9 năm 2025 của trường tiểu học Ama Khê về Kế hoạch giáo dục năm học 2025 – 2026;

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả học kì 1, trường Tiểu học Ama Khê xây dựng Kế hoạch học kì II năm học 2025 -2026 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Học sinh

Học kì II năm học 2025 – 2026, trường Tiểu học Ama Khê có tổng số lớp: 7 lớp, số học sinh: 148 HS (Nữ: 72), số học sinh người dân tộc: 147 HS (Nữ: 72).

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Nữ DT	Học Tiếng Anh	Học Tiếng Êđê	Học Tin học/Công nghệ
Khối 1	2	36	11	36	11	36		
Khối 2	1	24	15	24	15	24		
Khối 3	2	24	12	24	12	24	24	24
Khối 4	1	36	21	36	21	36	36	36

Khối 5	1	28	13	27	13	28	28	28
Cộng	6	148	72	147	72	148	88	88

2. Đội ngũ giáo viên

	Tổng số		Đảng		Biên chế		Trình độ		
	SL	Nữ	SL	Nữ	BC	HĐ	ĐH	CĐ	TC
TPTĐ	1	0	0	0	1	0	1	0	0
GV Tiếng Anh	1	1	1	1	1	0	1	0	0
GV T.Ê đê	1	1	0	0	1	0	0	1	0
GV chủ nhiệm	7	6	4	3	7	0	6	0	0
GV bộ môn	1	1	1	1	1	0	1	0	0
NV thư viện	1	1	1	1	1	0	1	0	0
Cộng	12	10	5	4	12	0	11	1	

3. Tổ khối

Tổ Khối	Số lượng thành viên	Tổ trưởng	Tổ phó
1, 2, 3	7	Nguyễn Thị Hợp	H Bông Mlô
4, 5	7	Đặng Thị Minh	Võ Thị Lin

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC HỌC KỲ I

1. Ưu điểm:

a. Ban giám hiệu:

- Hàng tháng chuyên môn lên và triển khai kế hoạch kịp thời.
- Thực hiện tương đối tốt công tác chỉ đạo các hoạt động trong nhà trường.
- Thực hiện công tác báo cáo với các cấp đầy đủ kịp thời.
- Chỉ đạo tốt công tác ra đề và kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ.
- Đã kiểm tra toàn diện Đ/c Lê Thị Mai Khanh, Đ/c Nguyễn thị Hợp, Đ/c Nguyễn Trần Kiệm (Kết quả 3 GV đều đạt loại tốt).
- Đã tổ chức thi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” cấp trường (10 em đạt từ 220 điểm trở lên).
- Học sinh tham gia thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp phường (7 tham gia)
- Đã tham gia tập huấn nâng cao NL dạy học môn Toán cấp tỉnh (Đ/c Khanh)
- Đã tham gia tập huấn nâng cao NL dạy học môn Tiếng Việt cấp tỉnh (Đ/c Minh)

- Đã tham gia tập huấn sử dụng phần mềm ioffice, tập huấn trực tuyến tài liệu trí tuệ nhân tạo, tài liệu quét mã trong công văn.
- Đã tham gia tập huấn tài liệu địa phương cấp tỉnh. (Đ/c Hoa, Khanh)
- Đã triển khai Kế hoạch Hội thi viết chữ đẹp GV cấp trường.
- Đã tổ chức thành công Hội nghị CBCCVV năm học 2025-2026.
- Đã tham gia tập huấn GD kỹ năng Công dân số trực tuyến.
- Đã thực hiện điều tra phổ cập đúng quy định.
- Đã tham gia tập huấn Nâng cao năng lực đọc hiểu cho HS tiểu học vùng DTTS đáp ứng CTGDPT 2018 cấp tỉnh.
- Đã xây tổ chức chuyên cấp trường nâng cao năng lực Đọc hiểu cho học sinh dân tộc thiểu số lớp 2.
- Tham gia tập huấn Trí tuệ nhân tạo AI trong chuyển đổi số và trong thực hiện nhiệm vụ năm học, tại UBND phường. (Đ/c Trà, Hoa, Tiến, Ngọc)
- Đã tham gia Đại Hội TĐTT phường Buôn Hồ. (Đ/c Hoa)
- Đã xây dựng KH và Tổ chức chuyên đề cấp trường Chuyên đề dạy toán phân hóa đối tượng học sinh khối 2.
- Đã tham gia tập huấn “Phát triển năng lực số cho HS” cấp tỉnh. (Đ/c Hoa)
- Đã tham gia tập huấn “Nâng cao năng lực cho GV thực hiện đánh giá NL-PC đảm bảo chuẩn đầu ra CTGDPT cấp tiểu học” cấp tỉnh (Đ/c Hoa, Minh)
- Đã tham gia tập huấn PCCC và CHCN tại UBND phường (Đ/c Hoa, D. Anh)
- Đã tham gia tập huấn “Tăng cường TV cho HS dân tộc trước khi vào lớp 1” cấp tỉnh. (Đ/c Trà, Bông)
- Đã tham gia tập huấn Công tác phổ cập Giáo dục cấp tỉnh. (Đ/c Hoa)
- Đã phối hợp với TPTĐ tổ chức các Hoạt động trải nghiệm cho học sinh: Hội thi văn nghệ và kể chuyện ngày 20/11, thi vẽ tranh, viếng đài tưởng niệm Buôn Tring ngày 22/12, Trải nghiệm đời thông Buôn Tring và nghe tuyên truyền về văn hóa dân tộc, trải nghiệm Ngày tết quê em...

b. Giáo viên:

- Thực hiện đầy đủ đúng kế hoạch đã đề ra.
- 100% giáo viên trong trường thực hiện đầy đủ chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của ngành, của trường, hưởng ứng mạnh mẽ cuộc vận động học tập và làm theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh.
- Thực hiện soạn giảng đúng phân phối chương trình, kế hoạch tổng thể của học kỳ I.

- Thực hiện tốt quy chế chuyên môn trong việc chữa bài, đánh giá, nhận xét, xếp loại học sinh theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

- Tổ chức mở được 03 chuyên đề cấp trường. (CĐ ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong dạy học môn Toán lớp 4; CĐ nâng cao năng lực đọc hiểu cho HS DTTS lớp 2; CĐ Dạy Toán phân hóa đối tượng học sinh lớp 2).

- Duy trì sĩ số đạt 100%.

- Tham gia tương đối tốt các hoạt động do nhà trường và các tổ chức phát động chào mừng các ngày lễ trong học kỳ I.

c. Học sinh:

- Đa số học sinh ngoan lễ phép và thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ của học sinh.

- Đã tổ chức thi trạng nguyên Tiếng Việt vòng thi cấp trường (có 16 em tham gia thi: K1: 4 em; K2: 4 em; K 3: 2 em; K4: 2 em; K5: 4 em – Đạt 11 em)

- Đã tham gia thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp phường (07 em tham gia 2 em đạt 260 điểm)

- Học sinh hoàn thành tốt và hoàn thành chương trình học kỳ 1: 132/148 em, đạt 89,2%, cụ thể như sau:

Kết quả chất lượng GD cuối học kỳ I năm học 2025-2026

Khối lớp	Tiếng Việt							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	20	55.6	8	22.2	28	77.8
2	7	29.2	17	70.8	0	0	24	100
3	5	20.8	18	75	1	4.2	23	95.8
4	11	30.6	25	69.4	0	0	36	100
5	3	10.7	22	78.6	3	10.7	25	89.3
CỘNG	34	23	102	68.9	12	8.1	136	91.9

Khối lớp	Toán							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	9	25	23	63.9	4	11.1	32	88.9
2	8	33.3	16	66.7	0	0	24	100
3	7	29.2	15	62.5	2	8.3	22	91.7
4	11	30.6	25	69.4	0	0	36	100
5	2	7.1	21	75	5	17.9	23	82.1
CỘNG	37	25	100	67.6	11	7.4	137	92.6

Khối lớp	Lịch sử và Địa lí (khối: 4 - 5)							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
4	9	25	27	75	0	0	36	100
5	3	10.7	25	89.3	0	0	28	100
CỘNG	12	18.8	52	81.3	0	0	64	100

Khối lớp	Khoa học (khối: 4 - 5)							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
4	11	30.6	25	69.4	0	0	36	100
5	6	21.4	21	75	1	3.6	27	96.4
CỘNG	17	26.6	46	71.9	1	1.6	63	98.4

Khối lớp	Tiếng Anh							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	13	36.1	23	63.9	0	0	36	100
2	13	54.2	11	45.8	0	0	24	100
3	6	25	18	75	0	0	24	100
4	12	33.3	24	66.7	0	0	36	100
5	5	17.9	23	82.1	0	0	28	100
CỘNG	49	33.1	99	66.9	0	0	148	100

Khối lớp	Đạo đức							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	10	27.8	26	72.2	0	0	36	100
2	9	37.5	15	62.5	0	0	24	100
3	9	37.5	15	62.5	0	0	24	100
4	11	30.6	25	69.4	0	0	36	100
5	3	10.7	25	89.3	0	0	28	100
CỘNG	42	28.4	106	71.6	0	0	148	100

Khối lớp	TN-XH (khối: 1 - 2 - 3)							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	9	25	27	75	0	0	36	100

2	8	33.3	16	66.7	0	0	24	100
3	7	29.2	17	70.8	0	0	24	100
CỘNG	24	28.6	60	71.4	0	0	84	100

Khối lớp	Âm nhạc							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	5	13.9	31	86.1	0	0	36	100
2	3	12.5	21	87.5	0	0	24	100
3	2	8.3	22	91.7	0	0	24	100
4	4	11.1	32	88.9	0	0	36	100
5	4	14.3	24	85.7	0	0	28	100
CỘNG	18	12.2	130	87.8	0	0	148	100

Khối lớp	Mỹ thuật							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	9	25	26	72.2	1	2.8	35	97.2
2	9	37.5	15	62.5	0	0	24	100
3	9	37.5	15	62.5	0	0	24	100
4	13	36.1	23	63.9	0	0	36	100
5	8	28.6	20	71.4	0	0	28	100
CỘNG	48	32.4	99	66.9	1	0.7	147	99.3

Khối lớp	Tin học và Công nghệ (Tin học) (khối: 3 - 4 - 5)							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
3	4	16.7	20	83.3	0	0	24	100
4	8	22.2	28	77.8	0	0	36	100
5	4	14.3	24	85.7	0	0	28	100
CỘNG	16	18.2	72	81.8	0	0	88	100

Khối lớp	Tin học và Công nghệ (Công nghệ) (khối: 3 - 4 - 5)							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
3	7	29.2	15	62.5	2	8.3	22	91.7
4	11	30.6	25	69.4	0	0	36	100
5	1	3.6	25	89.3	2	7.1	26	92.9

CỘNG	19	21.6	65	73.9	4	4.5	84	95.5
-------------	----	------	----	------	---	-----	-----------	-------------

Khối lớp	Giáo dục thể chất							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	9	25	27	75	0	0	36	100
2	7	29.2	17	70.8	0	0	24	100
3	5	20.8	19	79.2	0	0	24	100
4	10	27.8	26	72.2	0	0	36	100
5	9	32.1	19	67.9	0	0	28	100
CỘNG	40	27	108	73	0	0	148	100

Khối lớp	Hoạt động trải nghiệm							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	9	25	27	75	0	0	36	100
2	6	25	18	75	0	0	24	100
3	4	16.7	20	83.3	0	0	24	100
4	12	33.3	24	66.7	0	0	36	100
5	8	28.6	20	71.4	0	0	28	100
CỘNG	39	26.4	109	73.6	0	0	148	100

Khối lớp	Tiếng Ê đê (khối: 3 - 4 - 5)							
	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
3	5	20.8	19	79.2	0	0	24	100
4	8	22.2	27	75	1	2.8	35	97.2
5	4	14.3	22	78.6	2	7.1	26	92.9
CỘNG	17	19.3	68	77.3	3	3.4	85	96.6

Kết quả Năng lực cuối học kì I năm học 2025-2026

KHỐI	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	28	77.8	0	0	8	22.2	28	77.8	0	0
2	7	29.2	17	70.8	0	0	7	29.2	17	70.8	0	0
3	11	45.8	12	50	1	4.2	12	50	12	50	0	0

4	11	30.6	25	69.4	0	0	12	33.3	24	66.7	0	0
5	8	28.6	20	71.4	0	0	10	35.7	18	64.3	0	0
CỘNG	45	30.4	102	68.9	1	0.7	49	33.1	99	66.9	0	0

KHỐI	GQVD và sáng tạo						Ngôn ngữ					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	24	66.7	4	11.1	8	22.2	20	55.6	8	22.2
2	7	29.2	17	70.8	0	0	8	33.3	16	66.7	0	0
3	4	16.7	18	75	2	8.3	4	16.7	19	79.2	1	4.2
4	12	33.3	24	66.7	0	0	11	30.6	25	69.4	0	0
5	5	17.9	23	82.1	0	0	2	7.1	26	92.9	0	0
CỘNG	36	24.3	106	71.6	6	4.1	33	22.3	106	71.6	9	6.1

KHỐI	Tinh toán						Khoa học					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	9	25	23	63.9	4	11.1	8	22.2	24	66.7	4	11.1
2	8	33.3	16	66.7	0	0	5	20.8	19	79.2	0	0
3	5	20.8	18	75	1	4.2	7	29.2	17	70.8	0	0
4	11	30.6	25	69.4	0	0	11	30.6	25	69.4	0	0
5	5	17.9	18	64.3	5	17.9	5	17.9	23	82.1	0	0
CỘNG	38	25.7	100	67.6	10	6.8	36	24.3	108	73	4	2.7

KHỐI	Công nghệ						Tin học					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1												
2												
3	9	37.5	14	58.3	1	4.2	7	29.2	16	66.7	1	4.2
4	11	30.6	25	69.4	0	0	6	16.7	30	83.3	0	0
5	3	10.7	25	89.3	0	0	1	3.6	27	96.4	0	0
CỘNG	23	26.1	64	72.7	1	1.1	14	15.9	73	83	1	1.1

KHỐI	Thảm mĩ						Thể chất					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	28	77.8	0	0	8	22.2	28	77.8	0	0
2	6	25	18	75	0	0	7	29.2	17	70.8	0	0
3	11	45.8	13	54.2	0	0	13	54.2	11	45.8	0	0
4	13	36.1	23	63.9	0	0	10	27.8	26	72.2	0	0
5	2	7.1	26	92.9	0	0	3	10.7	25	89.3	0	0

CỘNG	40	27	108	73	0	0	41	27.7	107	72.3	0	0
-------------	----	----	-----	----	---	---	----	------	-----	------	---	---

Kết quả Phẩm chất cuối học kì I năm học 2025-2026

KHỐI	Yêu nước						Nhân ái					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	28	77.8	0	0	8	22.2	28	77.8	0	0
2	6	25	18	75	0	0	6	25	18	75	0	0
3	15	62.5	9	37.5	0	0	13	54.2	11	45.8	0	0
4	10	27.8	26	72.2	0	0	13	36.1	23	63.9	0	0
5	11	39.3	17	60.7	0	0	11	39.3	17	60.7	0	0
CỘNG	50	33.8	98	66.2	0	0	51	34.5	97	65.5	0	0

KHỐI	Chăm chỉ						Trung thực					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	28	77.8	0	0	8	22.2	28	77.8	0	0
2	6	25	18	75	0	0	7	29.2	17	70.8	0	0
3	13	54.2	10	41.7	1	4.2	14	58.3	8	33.3	2	8.3
4	13	36.1	23	63.9	0	0	15	41.7	21	58.3	0	0
5	11	39.3	17	60.7	0	0	11	39.3	17	60.7	0	0
CỘNG	51	34.5	96	64.9	1	0.7	55	37.2	91	61.5	2	1.4

KHỐI	Chăm chỉ					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	8	22.2	28	77.8	0	0
2	7	29.2	17	70.8	0	0
3	13	54.2	9	37.5	2	8.3
4	15	41.7	21	58.3	0	0
5	11	39.3	17	60.7	0	0
CỘNG	54	36.5	92	62.2	2	1.4

d. Hoạt động của đoàn thể: Đội thiếu niên

- Về cơ bản thực hiện tốt vai trò của mình trong các hoạt động nhằm hỗ trợ việc nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

- Đã tổ chức được các hoạt động cho giáo viên – học sinh nhân dịp các ngày lễ, như: 20/10, 20/11, 22/12 ...

- Tham mưu tốt với BGH trong việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ tháng, học kỳ, năm học. Kết hợp với nhà trường tổ chức tốt Lễ khai giảng năm học 2025 - 2026, hội nghị CNVC.

2. Tồn tại:

a. tổ khối:

- Công tác chỉ đạo việc báo cáo 2 chiều nhiều khi chưa đúng thời gian quy định vì có một số giáo viên và Tổ khối trưởng phải đi chữa bệnh.

b. Giáo viên:

- Một vài đồng chí chưa chú trọng nhiều vào việc đầu tư hồ sơ cá nhân của mình.

d. Học sinh:

- Một số học sinh chưa chuyên cần trong việc đi học buổi chiều.

- Học sinh chưa hoàn thành chương trình học kì 1 còn cao (16 em - 10,8%).

đ. Các đoàn thể:

- Đã phát huy hết khả năng của mình trong việc tham mưu, kết hợp cùng nhà trường tổ chức các hoạt động của nhà trường.

II. KẾ HOẠCH HỌC KỲ II

1. Về Tư tưởng chính trị:

- Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục. “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo; tăng cường nề nếp, kỷ cương và chất lượng; hiệu quả trong công tác giáo dục. Khuyến khích sự sáng tạo và đề cao vai trò của giáo viên, cán bộ quản lý.

- Thi đua lập thành tích mừng Đảng, mừng xuân và các ngày lễ lớn: 3/2; 30/4; 1/5; 15/5; 1/6...

- Tiếp tục tăng cường giáo dục đạo đức học sinh, và tư tưởng – chính trị cho CB – GV trong trường.

- Học sinh rèn luyện và thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy - xứng đáng con ngoan trò giỏi - đội viên tốt.

- Tích cực xây dựng trường học thân thiện

2. Công Tác Chuyên môn:

- Tiếp tục thực hiện chủ đề năm học 2025-2026 là “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”.

- Thực hiện hương trình dạy học trong học kỳ II bắt đầu từ ngày 12/01/2026 và kết thúc học kỳ II trước ngày 31/5/2026.

- Tiếp tục thực hiện dạy học trương trình các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Kiểm tra sách vở, đồ dùng học tập của các em học sinh ngay đầu học kỳ.

- Soạn giảng đúng chương trình có chất lượng đảm bảo theo tinh thần đổi mới của Bộ GD-ĐT. Có kế hoạch cụ thể kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, giảm tối thiểu tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

- Tiếp tục thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung đã được triển khai ở học kì 1.

- Tiếp tục thực hiện dạy học STEM theo các chủ đề trong tài liệu Bài học STEM đối với các môn học: Toán, TNXH, Khoa Học, Công nghệ, Mĩ thuật...

- Tiếp tục thực hiện đánh giá học sinh đúng theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

- Đảm bảo duy trì sĩ số, ổn định và duy trì các nề nếp dạy và học.

- Thường xuyên nhận xét chữa bài, rèn chữ cho học sinh đầy đủ, chính xác.

- Tiếp tục phụ đạo học sinh chưa hoàn thành môn học.

- Tiếp tục mở chuyên đề cấp trường, tổ.

- Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp phường theo kế hoạch của phòng VH-XH

- Tham gia thi GVĐG cấp phường theo KH của phòng VH-XH.

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi do phòng VH-XH và các cấp tổ chức.

- Kiểm tra định kỳ cho học sinh đúng theo lịch.

- Kiểm tra giữa kì II đối với lớp 4, 5. (Toán – Tiếng Việt)

- Tập trung nâng cao chất lượng đại trà.

- Thường xuyên dự giờ thăm lớp theo định kỳ, đột xuất.

- Kiểm tra hồ sơ định kỳ, cuối năm học.

- HS tham gia thi sân chơi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” vòng thi cấp tỉnh.

- Tổ chức cho HS ngày Hội STEM, ngày Hội đọc sách và chơi các trò chơi dân gian (Tháng 26/3).

- Đón đoàn phúc tra thi đua cuối năm học.

- Tổng kết năm học

3. Công tác khác:

- Thư viện có kế hoạch cho giáo viên - học sinh trả và mượn lại sách phục vụ tốt cho việc dạy – học ở kỳ II.

- Thực hiện thông tin báo cáo chính xác, đúng thời gian quy định.

- Phối hợp với Đội TN, xây dựng kế hoạch cụ thể, phát huy vai trò của tổ chức mình cùng với nhà trường đưa chất lượng GD ngày càng đi lên, thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra. Làm tốt công tác xã hội hóa GD,

4. Chỉ Tiêu Thi Đua:

a. Giáo viên:

- Chấp hành ngày, giờ công: lên lớp, hội họp: 100%

- Hồ sơ, Kế hoạch dạy học soạn kịp thời, đầy đủ, chất lượng (thực hiện đầy đủ quy chế của chuyên môn): 100%

- Công tác chủ nhiệm lớp xếp loại tốt: 100%

- Mượn và sử dụng đồ dùng có hiệu quả: 100%

- Tham gia đầy đủ các phong trào chung của nhà trường, cấp trên: 100%

- Dạy học có ứng dụng CNTT: 100%

- Tham gia các hội thi do nhà trường và phòng VH-XH tổ chức: 100%

b. Học sinh:

- Tiếp tục duy trì sĩ số HS: 100%

- Chỉ tiêu chất lượng học kì II năm học 2025 - 2026:

4.1. Môn học và hoạt động giáo dục

Lớp	Tổng số HS	Môn học và hoạt động giáo dục																	
		Tiếng Việt			Toán			Khoa học			Lịch sử và Địa lí			Ngoại ngữ			TNXH		
		H	H	CH	H	H	CH	H	H	CH	H	H	CH	H	H	CH	H	H	CH
1A	36	6	25	5	6	25	5							8	26	2	9	27	0
2A	24	5	17	2	5	17	2							3	20	1	8	16	0
3A	24	5	18	1	5	18	1							4	19	1	8	16	0
4A1	17	4	15	0	6	13	0	7	12	0	7	12	0	3	15	1			
4A2	19	3	14	0	3	14	0	3	14	0	3	14	0	4	13	0			
5A	28	5	22	2	5	22	2	5	24	0	5	24	0	4	24	1			
Tổng	148	28	111	10	30	109	10	15	50	0	15	50	0	26	117	6	25	59	0

Lớp	Tổng	Môn học và hoạt động giáo dục																	
-----	------	-------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

	số HS	Đạo đức			Âm nhạc			Mĩ thuật			Tin học-Công nghệ (Tin học)			Tin học-Công nghệ (Công nghệ)		
		HT	H	CH	HT	H	CH	HT	H	CH	HT	H	CH	HT	H	CH
1A	36	9	27	0	4	32	0	7	29	0						
2A	24	7	17	0	3	21	0	5	19	0						
3A	24	6	18	0	3	21	0	5	19	0	4	20	0	4	20	0
4A1	17	8	11	0	2	17	0	6	13	0	6	13	0	6	13	0
4A2	19	3	14	0	2	15	0	3	14	0	3	14	0	3	14	0
5A	28	5	24	0	4	25	0	3	26	0	5	24	0	5	24	0
Tổng	148	38	111	0	18	131	0	29	120	0	18	71	0	18	71	0

Lớp	Tổng số HS	Môn học và hoạt động giáo dục								
		GDTC/Thể dục			HĐTN/HĐNGLL			Tiếng dân tộc		
		HT	H	CH	HT	H	CH	HT	HT	CH
1A	36	7	29	0	9	27	0			
2A	24	5	19	0	10	14	0			
3A	24	5	19	0	10	14	0	3	21	0
4A1	17	6	13	0	6	13	0	6	13	0
4A2	19	3	14	0	3	14	0	3	14	0
5A	28	5	24	0	5	24	0	5	24	0
Tổng	148	31	118	0	43	106	0	17	72	0

4.2. Năng lực – Phẩm chất

+ Năng lực

LỚP	Tổng	Tự chủ và tự học			Giao tiếp và hợp tác			GQVĐ và sáng tạo			Ngôn ngữ			Tính toán		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1A	36	6	30	0	6	28	2	6	28	2	6	28	2	6	28	2
2A	24	7	17	0	5	17	2	5	17	2	10	12	2	10	13	1
3A	24	8	16	0	9	14	1	6	18	1	12	10	2	11	12	1
4A1	17	6	13	0	8	11	0	6	13	0	6	13	0	6	13	0
4A2	19	5	12	0	5	12	0	5	12	0	3	14	0	3	14	0

5A	28	5	24	0	5	24	0	5	24	0	5	22	2	5	24	0
Tổng	148	37	112	0	38	106	5	33	112	5	42	99	8	41	104	4
LỚP	Tổng	Khoa học			Thẩm mỹ			Thể chất			Công nghệ			Tin học		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1A	36	6	30	0	6	30	0	6	30	0						
2A	24	8	14	2	8	16	0	10	14	0						
3A	24	8	16	0	8	16	0	10	14	0	10	14	0	8	16	0
4A1	17	7	12	0	6	13	0	6	13	0	7	12	0	6	13	0
4A2	19	3	14	0	5	12	0	3	14	0	3	14	0	3	14	0
5A	28	5	24	0	5	24	0	5	24	0	5	24	0	5	24	0
Tổng	148	37	110	2	38	111	0	40	109	0	25	64	0	22	67	0

+ Phẩm chất

LỚP	Tổng	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1A	36	10	26	0	10	26	0	10	26	0	10	26	0	10	26	0
2A	24	10	14	0	8	16	0	8	14	2	12	12	0	8	14	2
3A	24	11	13	0	8	16	0	10	14	0	13	11	0	10	14	0
4A1	17	9	10	0	8	11	0	7	12	0	10	9	0	9	10	0
4A2	19	5	12	0	5	12	0	5	12	0	5	12	0	5	12	0
5A	28	5	24	0	5	24	0	5	24	0	5	24	0	5	24	0
Tổng	148	50	99	0	44	105	0	45	102	2	55	94	0	47	100	2

5. Biện pháp:

- Quán triệt kịp thời các văn bản, hướng dẫn cho giáo viên và học sinh nắm bắt cùng phối hợp thực hiện.
- Động viên anh chị em giáo viên và học sinh thực hiện tốt kế hoạch đề ra đạt hiệu quả cao.
- Ý thức cao trong việc giữ gìn nề nếp, truyền thống của nhà trường.
- Xây dựng tốt môi trường giáo dục thân thiện.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các công việc đã phân công.

Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn học kì II năm học 2025 - 2026 của trường TH Ama Khê. Tập thể giáo viên trường tiểu học Ama Khê cùng nhau quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm học 2025 - 2026.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (b/c);
- GV toàn trường (t/h);
- Lưu CM, VT./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Ngô Thị Xuân Hoa